Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8414.10.00

Mã HS	8414.10.00
Mô tả hàng hóa	Bơm không khí hoặc bơm chân không, máy nén không khí hoặc chất khí khác và quạt; nắp chụp hút tuần hoàn gió hoặc thông gió có kèm theo quạt, có hoặc không lắp bộ phận lọc; tủ an toàn sinh học kín khí, có hoặc không lắp bộ phận lọc / - Bơm chân không
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	09/11/2026 08:23:06
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84141000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13165
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13165
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13165
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E12449
ATIGA	2022	2022	0	AT!E12392
ATIGA	2023	2023	0	AT!F12392
ATIGA	2024	2024	0	AT!G12392
ATIGA	2025	2025	0	AT!H12392
ATIGA	2026	2026	0	AT!I12392
ATIGA	2027	2027	0	AT!J12392
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E12446
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F12446

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G12446
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H12446
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I12446
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J12446
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E12447
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F12447
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G12447
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H12447
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I12447
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J12447
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F12448
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H12398
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F12404
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G12404
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H12404
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I12404
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J12404
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K12404
VKFTA	2022	2022	0	VK!E12437
VKFTA	2023	2023	0	VK!F12437
VKFTA	2024	2024	0	VK!G12437
VKFTA	2025	2025	0	VK!H12437
VKFTA	2026	2026	0	VK!I12437
VKFTA	2027	2027	0	VK!J12437
VCFTA	2022	2022	2	VC!D12484
VCFTA	2023	2023	1	VC!E12484

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F12484
VCFTA	2025	2025	0	VC!G12484
VCFTA	2026	2026	0	VC!H12484
VCFTA	2027	2027	0	VC!I12484
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D12469
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E12469
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F12469
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G12469
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H12469
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I12469
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D12469
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E12469
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F12469
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G12469
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H12469
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I12469
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D12484
EVFTA	2023	2023	3,3	EV-NK!E12484
EVFTA	2024	2024	1,6	EV-NK!F12484
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G12484
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H12484
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I12484
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D12483
UKVFTA	2023	2023	3,3	UKV!E12483
UKVFTA	2024	2024	1,6	UKV!F12483
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G12483

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H12483
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I12483
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D12463
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E12463
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F12463
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G12463
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H12463
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I12463
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J12463
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D12471
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E12471
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F12471
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G12471
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H12471
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I12471
RCEP B	2022	2022	0	B!D12471
RCEP B	2023	2023	0	B!E12471
RCEP B	2024	2024	0	B!F12471
RCEP B	2025	2025	0	B!G12471
RCEP B	2026	2026	0	B!H12471
RCEP B	2027	2027	0	B!I12471
RCEP C	2022	2022	0	C!D12471
RCEP C	2023	2023	0	C!E12471
RCEP C	2024	2024	0	C!F12471
RCEP C	2025	2025	0	C!G12471
RCEP C	2026	2026	0	C!H12471

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I12471
RCEP D	2022	2022	0	D!D12470
RCEP D	2023	2023	0	D!E12470
RCEP D	2024	2024	0	D!F12470
RCEP D	2025	2025	0	D!G12470
RCEP D	2026	2026	0	D!H12470
RCEP D	2027	2027	0	D!I12470
RCEP E	2022	2022	0	E!D12474
RCEP E	2023	2023	0	E!E12474
RCEP E	2024	2024	0	E!F12474
RCEP E	2025	2025	0	E!G12474
RCEP E	2026	2026	0	E!H12474
RCEP E	2027	2027	0	E!I12474
RCEP F	2022	2022	0	F!D12471
RCEP F	2023	2023	0	F!E12471
RCEP F	2024	2024	0	F!F12471
RCEP F	2025	2025	0	F!G12471
RCEP F	2026	2026	0	F!H12471
RCEP F	2027	2027	0	F!I12471
VIFTA	2024	2024	0	VI!F11541
VIFTA	2025	2025	0	VI!G11541
VIFTA	2026	2026	0	VI!H11541
VIFTA	2027	2027	0	VI!I11541

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8414.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 8414.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13165), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.